

Phòng: B2.1

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Lớp	Môn KT	Điểm	Kết quả
1	110001	Trần Nguyễn Kim	An	11A5	Âm nhạc	6,5	Đạt
2	110002	Diên Quỳnh	Anh	11C2	Âm nhạc	7,5	Đạt
3	110003	Lê Kỳ	Anh	11A4	Công nghệ nông nghiệp	8,0	Đạt
4	110004	Đặng Ngọc	Ánh	11C3	Giáo dục KT&PL	8,0	Đạt
5	110005	Huỳnh Hiếu	Bảo	11C3	Giáo dục KT&PL	7,0	Đạt
6	110006	Phan Quốc	Bảo	11A4	Công nghệ công nghiệp	7,75	Đạt
7	110007	Huỳnh Ngọc Minh	Châu	11C1	Công nghệ công nghiệp	5,0	Đạt
8	110008	Đàm Tấn	Dũng	11C2	Giáo dục KT&PL	6,5	Đạt
9	110009	Nguyễn Tấn	Đạt	11A3	Công nghệ công nghiệp	7,5	Đạt
10	110010	Nguyễn Huyền Minh	Giang	11A4	Công nghệ nông nghiệp	9,25	Đạt
11	110011	Lưu Phát	Giàu	11C3	Âm nhạc	7,5	Đạt
12	110012	Trần Thị Ngọc	Hải	11C3	Công nghệ nông nghiệp	9,25	Đạt
13	110013	Phạm Hồng	Hạnh	11D2	Âm nhạc	7,0	Đạt
14	110014	Đặng Hoàng Minh	Hằng	11D2	Tin học	8,5	Đạt
15	110015	Nguyễn Trung	Hậu	11D1	Âm nhạc	7,0	Đạt
16	110016	Mai Sỹ	Hiếu	11C2	Tin học	7,25	Đạt
17	110017	Nguyễn Lục	Hòa	11A5	Địa lí	6,25	Đạt
18	110018	Lê Nguyễn Minh	Hoàng	11D2	Âm nhạc	8,0	Đạt
19	110019	Võ Thanh	Huyền	11C1	Giáo dục KT&PL	6,5	Đạt
20	110020	Nguyễn Quang Trung	Kiên	11D1	Giáo dục KT&PL	7,75	Đạt
21	110021	Lương Lê Minh	Kỳ	11A3	Giáo dục KT&PL	6,0	Đạt
22	110022	Lê Ngọc Minh	Khánh	11D2	Giáo dục KT&PL	6,75	Đạt
23	110023	Phạm Huy	Khánh	11A3	Công nghệ công nghiệp	7,5	Đạt
24	110024	Phan Hữu Bảo	Khánh	11P	Giáo dục KT&PL	7,75	Đạt
25	110025	Nguyễn Đăng	Khôi	11A4	Công nghệ nông nghiệp	8,5	Đạt
26	110026	Trần Nguyễn Minh	Khôi	11C3	Giáo dục KT&PL	7,0	Đạt
27	110027	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	11D2	Giáo dục KT&PL	7,25	Đạt
28	110028	Trần Tuệ	Mẫn	11A5	Âm nhạc	7,5	Đạt
29	110029	Phan Tuệ	Minh	11C3	Công nghệ nông nghiệp	9,25	Đạt
30	110029	Phan Tuệ	Minh	11C3	Âm nhạc	8,0	Đạt
31	110030	Nguyễn Ái	My	11A5	Âm nhạc	6,0	Đạt
32	110031	Hà Như	Ngân	11C2	Giáo dục KT&PL	7,75	Đạt
33	110064	Trần Nguyễn Hoàng	Oanh	11C1	Giáo dục KT&PL	6,75	Đạt

Danh sách này có 32 học sinh kiểm tra.

Kết quả:

- Đạt: 32 học sinh.
- Không đạt: 00 học sinh.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Phòng: B2.2

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Lớp	Môn KT	Điểm	Kết quả
1	110032	Nguyễn Huỳnh Biển	Ngọc	11P	Âm nhạc	8,0	Đạt
2	110033	Phạm Minh	Ngọc	11A5	Giáo dục KT&PL	8,25	Đạt
3	110034	Trịnh Lê Khánh	Ngọc	11A5	Âm nhạc	9,0	Đạt
4	110035	Vương Bảo	Ngọc	11D2	Âm nhạc	9,5	Đạt
5	110036	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	11A5	Giáo dục KT&PL	8,25	Đạt
6	110037	Nguyễn Trần Trúc	Nhi	11C2	Âm nhạc	8,0	Đạt
7	110038	Lê Quỳnh	Như	11A5	Giáo dục KT&PL	8,25	Đạt
8	110039	Lưu Trần Quỳnh	Như	11A1	Âm nhạc	7,0	Đạt
9	110040	Lý Thuận	Phát	11A1	Âm nhạc	8,0	Đạt
10	110041	Thái Hồ Chánh	Phát	11C2	Giáo dục KT&PL	6,25	Đạt
11	110042	Phạm Lê	Phong	11D2	Địa lí	7,25	Đạt
12	110043	Nguyễn Thiên	Phúc	11A4	Giáo dục KT&PL	6,75	Đạt
13	110044	Đinh Minh	Quân	11D2	Tin học	6,5	Đạt
14	110045	Trần Doãn	Quân	11A2	Công nghệ công nghiệp	7,5	Đạt
15	110046	Huỳnh Trần Toàn	Quý	11A5	Tin học	7,0	Đạt
16	110047	Nguyễn Thanh	Quyên	11C3	Giáo dục KT&PL	9,25	Đạt
17	110048	Nguyễn Hồng Trường	Sơn	11A5	Địa lí	6,25	Đạt
18	110049	Đoàn Minh	Tuấn	11A3	Tin học	6,5	Đạt
19	110050	Huỳnh Chí	Thanh	11C2	Giáo dục KT&PL	7,0	Đạt
20	110050	Huỳnh Chí	Thanh	11C2	Âm nhạc	9,0	Đạt
21	110051	Phạm Phương	Thảo	11A5	Giáo dục KT&PL	6,25	Đạt
22	110052	Nguyễn Mai	Thịnh	11A3	Công nghệ công nghiệp	7.25	Đạt
23	110053	Trần Huỳnh Đức	Thịnh	11A4	Âm nhạc	5,5	Đạt
24	110054	Phan Hoài Yến	Thư	11C1	Công nghệ nông nghiệp	7,5	Đạt
25	110055	Lê Việt Anh	Thy	11C1	Địa lí	5,75	Đạt
26	110056	Tiêu Hồng Phương	Trang	11A1	Âm nhạc	7,5	Đạt
27	110057	Đinh Ngọc	Trân	11C3	Công nghệ nông nghiệp	9,25	Đạt
28	110058	Nguyễn Quang	Triết	11A4	Âm nhạc	9,0	Đạt
29	110059	Ngô Nguyễn Trung	Trúc	11C2	Giáo dục KT&PL	7,25	Đạt
30	110060	Trần Phạm Nhã	Uyên	11C3	Giáo dục KT&PL	8,0	Đạt
31	110061	Đào Khánh	Vy	11C1	Giáo dục KT&PL	8,25	Đạt
32	110062	Phan Lâm Trúc	Vy	11C1	Địa lí	7,0	Đạt
33	110063	Vũ Hồng Thiên	Ý	11A5	Âm nhạc	9,0	Đạt

Danh sách này có 32 học sinh kiểm tra.

Kết quả:

- Đạt: 32 học sinh.
- Không đạt: 00 học sinh.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Phòng: B2.3

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Lớp	Môn KT	Điểm	Kết quả
1	120001	Tô Hoài	Anh	12C1	Địa lí	6,75	Đạt
2	120001	Tô Hoài	Anh	12C1	Giáo dục KT&PL	8,0	Đạt
3	120001	Tô Hoài	Anh	12C1	Âm nhạc	5,0	Đạt
4	120002	Phạm Đan	Châu		Tin học		Không đạt
5	120002	Phạm Đan	Châu		Âm nhạc		Không đạt
6	120003	Tăng Hoàng	Hải	12A4	Sinh học	8,0	Đạt
7	120003	Tăng Hoàng	Hải	12A4	Giáo dục KT&PL	7,5	Đạt
8	120004	Nguyễn Vũ	Hùng		Giáo dục KT&PL		Không đạt
9	120004	Nguyễn Vũ	Hùng		Âm nhạc		Không đạt
10	120005	Trần Triệu Tuấn	Huy	12D1	Âm nhạc	6,0	Đạt
11	120006	Phạm Xuân Mỹ	Kim	12A4	Giáo dục KT&PL	8,0	Đạt
12	120007	Phạm Gia	Khiêm	12C1	Tin học	6,25	Đạt
13	120007	Phạm Gia	Khiêm	12C1	Âm nhạc	6,0	Đạt
14	120008	Nguyễn Thành	Lộc	12C3	Âm nhạc	6,0	Đạt
15	120009	Trần Đăng Hà	Nguyên	12A2	Công nghệ công nghiệp	7,25	Đạt
16	120010	Lại Ngọc Yến	Nhi	12C2	Tin học	7,0	Đạt
17	120010	Lại Ngọc Yến	Nhi	12C2	Âm nhạc	6,0	Đạt
18	120011	Nguyễn Tấn	Tài	12D2	Giáo dục KT&PL	9,0	Đạt
19	120011	Nguyễn Tấn	Tài	12D2	Âm nhạc	6,0	Đạt
20	120012	Tô Khánh	Vy	12C2	Tin học	8,0	Đạt
21	120012	Tô Khánh	Vy	12C2	Âm nhạc	7,0	Đạt

Danh sách này có 12 học sinh kiểm tra.

Kết quả:

- Đạt: 10 học sinh.
- Không đạt: 02 học sinh (không xếp lớp).

Cần Thơ, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Lớp	Tổ hợp môn lựa chọn
1	202601	Lê Hoàng Gia	Bảo	11C1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
2	202602	Trần Đào Quốc	Bảo	11A1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
3	202604	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Duy	11A1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí
4	202605	Nguyễn Hoàng	Duy	11A2	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
5	202606	Nguyễn Tiến	Đạt	11A3	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ CN
6	202608	Trà Đô	Đồng	11C1	Vật lí, Tin học, Địa lí, Giáo dục KTPL
7	202609	Huỳnh Thanh	Hiệu	11A3	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ CN
8	202610	Phương Minh	Khuê	11C1	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ CN
9	202612	Lê Tuấn	Minh	11C1	Vật lí, Hóa học, Địa lí, Công nghệ CN
10	202613	Dương Kim Khánh	Ngọc	11A3	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
11	202615	Nguyễn Hữu	Nhân	11A3	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
12	202616	Trần Hồng	Nhật	11C1	Vật lí, Tin học, Địa lí, Giáo dục KTPL
13	202617	Phan Đức	Quân	11A1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
14	202619	Dương Thị Phương	Thảo	11D2	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ CN
15	202620	Lê Phương	Thảo	11A1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ CN
16	202621	Trịnh Hoàng	Vĩnh	11A3	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
17	202622	Lê Ái	Vy	11A3	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học

Danh sách này có 17 học sinh.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 08 năm 2026
Hiệu trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng